

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày 29 tháng 6 năm 2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Kim Quy và ông Phạm Thế Chiến

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2021/TLST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số ... thôn D, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số ... thôn D, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Hòa Thị S, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn A xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

Ông Đinh Văn K, sinh năm 1973

Địa chỉ: buôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2021 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Do có quan hệ quen biết ông

Vũ Văn Đ nên bà có cho ông Đ vay tiền nhiều lần. Hiện nay ông Đ còn nợ bà các khoản nợ sau đây:

- Lần 1: Vào ngày 15/01/2007 bà cho vay số tiền 20.000.000đồng.
- Lần 2: Vào ngày 10/6/2009 bà cho vay số tiền 20.000.000đồng.
- Lần 3: Vào ngày 04/7/2010 bà cho vay số tiền 5.000.000đồng.
- Lần 4: Vào ngày 11/4/2011 bà cho vay số tiền 35.000.000đồng.

Tổng cộng ông Đ còn nợ bà số tiền gốc là 80.000.000đồng. Khi cho vay, bà có ghi sổ nợ, ông Đ có ký xác nhận vào sổ nợ. Quá trình vay, ông Đ chưa trả nợ cho bà. Việc bà cho ông Đ vay tiền thì chồng bà là ông Nguyễn Trọng H và vợ của ông Đ là bà Hòa Thị S không tham gia, khi xác lập giao dịch, giao tiền thì không có ai chứng kiến. Sau đó, bà đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông Đ vẫn không trả nợ. Nay bà yêu cầu ông Vũ Văn Đ phải trả cho bà số tiền gốc 80.000.000đồng (*Tám mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi. Bà không yêu cầu bà Hòa Thị S là vợ của ông Đ phải trả nợ.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Vũ Văn Đ trình bày: Do có quan hệ quen biết nên trước đây ông có vay tiền của bà Nguyễn Thị D nhiều lần. Trong các giấy vay tiền mà bà D cung cấp cho Tòa án gồm 04 khoản vay nói trên thì ông thừa nhận chữ ký, chữ viết Vũ Văn Đ trong giấy nhận nợ là của ông ký và viết ra. Các khoản ông vay bà D thì chỉ mượn khoảng 03 đến 05 ngày sẽ trả nợ, do đó vợ ông cũng không biết, không liên quan gì tới khoản vay này. Sau khi vay, ông đã trả hết nợ cho bà D, có lần ông trả tiền cho bà D, có lần thì ông đưa tiền cho ông H (chồng bà D). Ông có nói bà D gạch sổ trả nợ. Tuy nhiên, do tin tưởng nhau nên ông không yêu cầu bà D viết giấy nhận tiền trả nợ, mà chỉ nói bà D gạch sổ. Từ đó đến nay, ông không vay tiền của bà D thêm lần nào. Ông xác định hiện nay ông không còn nợ bà D khoản tiền nào. Nay bà D khởi kiện yêu cầu ông trả cho bà D số tiền nợ gốc 80.000.000đồng thì ông không đồng ý vì ông xác định ông đã trả hết nợ. Ông đề nghị Tòa án xem xét, bác đơn của bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị D, ông có biết việc bà D cho ông Đ vay tiền, có những khoản nợ ông Đ trả thì ông có nhận tiền và viết giấy nhận tiền trả nợ cho ông Đ. Ông không nhớ chính xác số tiền nhận từ ông Đ là bao nhiêu vì chỉ nhớ là nhận của ông Đ rất nhiều lần, mỗi lần nhận tiền thì ông có viết giấy nhận tiền trả nợ và đưa cho ông Đ. Do thời gian cũng lâu rồi nên ông không nhớ rõ, cụ thể và chính xác. Việc bà D cho ông Đ vay tiền là tiền của bà D, ông không liên quan gì tới khoản vay này. Khi ông nhận tiền ông Đ trả nợ thì cũng đưa lại cho bà D. Nay bà D khởi kiện thì ông không yêu cầu ông Đ phải trả nợ cho ông vì đây không phải là tiền của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hòa Thị S trình bày: Bà là vợ của ông Vũ Văn Đ. Việc ông Đ vay tiền của bà D thì bà không biết, không liên quan gì và cũng không sử dụng số tiền vay này. Bà không liên quan gì đến việc vay

mượn, cũng không nợ tiền của bà D. Việc bà D khởi kiện ông Đ thì bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

Người làm chứng: Ông Đinh Văn Ktrình bày tại bản tự khai ngày 07/3/2022: do quen biết nên trước đây ông có vay của ông Vũ Văn Đ số tiền là 30.000.000đ, sau đó ông mang số tiền lên UBND xã D trả cho ông Đ, lúc đó ông có nghe ông Đ nói số tiền 30.000.000đ này trả cho ông H chồng bà D, còn việc ông Đ có trả tiền cho ông H hay không thì ông không chứng kiến, do thời gian xảy ra đã lâu nên ông không nhớ được ngày tháng năm nào.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Bị đơn cư trú tại huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các điều 466, 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc 80.000.000đ.

Về án phí: Bị đơn ông Vũ Văn Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm tiền án phí DSST, căn cứ Điều 11, Điều 14, Điều 15 nghị quyết 326/QH14 của UBTVQH, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn vay tiền của nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ, không trả được nợ theo thỏa thuận, nguyên đơn đã khởi kiện đòi nợ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ, có đơn giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Vũ Văn Đ phải trả tiền nợ gốc 80.000.000đ. Về chứng cứ nguyên đơn giao nộp 04 giấy gốc: Vào ngày 15/01/2007 bà D cho vay số tiền 20.000.000đồng; Vào ngày 10/6/2009 bà D cho ông Đ vay số tiền 20.000.000đồng; Vào ngày 04/7/2010 bà D cho ông Đ vay 5.000.000đồng; Vào ngày 11/4/2011 bà D cho ông Đ vay 35.000.000đồng, bị đơn ông Đ thừa nhận chữ viết, chữ ký là của ông tại các giấy vay trên.

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án ông Đ cho rằng ông đã trả cho bà D tất cả các khoản nợ, có lần trả cho ông H chồng bà D, ông có yêu cầu bà D gạch số ông đề nghị Tòa án xem xét bác đơn khởi kiện của bà D. Tuy nhiên, ông Đ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã trả nợ cho nguyên đơn bà D các khoản nợ trên, ý kiến của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận do đó không có căn cứ.

[2.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H thừa nhận có nhận tiền của ông Đ trả nợ cho bà D, có viết giấy nhận tiền giao lại cho ông Đ, còn cụ thể số tiền nhận bao nhiêu thì ông không nhớ được, do đó không xác định được số tiền ông Đ đã giao cho ông H là bao nhiêu và trả nợ cho khoản vay nào.

[2.3] Lời khai của người làm chứng ông Đinh Văn K thể hiện: do quen biết nên trước đây ông có vay của ông Vũ Văn Đ số tiền là 30.000.000đ, sau đó ông mang số tiền lên UBND xã D trả cho ông Đ, lúc đó ông có nghe ông Đ nói số tiền 30.000.000đ này trả cho ông H chồng bà D, còn việc ông Đ có trả tiền cho ông H hay không thì ông không chứng kiến, do thời gian xảy ra đã lâu nên ông không nhớ được ngày tháng năm nào. Như vậy, người làm chứng chỉ nghe nói chứ không chứng kiến việc ông Đ trả tiền cho ông H nên cũng không có căn cứ xác định ông Đ có trả cho ông H hay không.

Từ những phân tích nhận định đã nêu trên, không có căn cứ để xác định ông Đ đã trả cho bà D toàn bộ 04 khoản nợ với tổng cộng là 80.000.000đ.

Căn cứ các điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, buộc ông Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ gốc là 80.000.000đ.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Trọng H xác định bà D cho ông Đ vay tiền là tiền của bà D, ông không yêu cầu ông Đ phải trả nợ cho ông, do đó không buộc ông Đ trả nợ cho ông H là phù hợp. Đối với bà Hòa Thị S (vợ ông Đ) không tham gia vay tiền của bà D, cũng không dùng chung khoản tiền ông Đ vay, không dùng vào các nhu cầu thiết yếu của gia đình, mặt khác bà D cũng không yêu cầu bà S phải trả nợ. Do đó, không buộc bà S phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ đối với các khoản nợ do ông Đ vay của bà D nói trên là phù hợp.

[3] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: ông Vũ Văn Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Văn Đ

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào: điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Vũ Văn Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ gốc 80.000.000^d (*tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2/ Về án phí : Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Văn Đ

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí 2.000.000^d (*hai triệu đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, Đắk Lắk, biên lai số 7008 ngày 20/10/2021.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS Krông Ana;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên